

## VÀI SUY NGHĨ RÚT RA TỪ CÁCH THỨC TU BỒ TƯỢNG CỔ HIỆN NAY

NGUYỄN THỨC - QUỐC NHIỆM\*

**T**ượng tròn nhân dạng của người Việt là một sản phẩm nghệ thuật hằng xuyên trong kiến trúc cổ cả nghìn năm nay.

Xưa kia, tổ tiên ta thường quan tâm đến sự bền vững nên đã chú ý làm tượng bằng đá. Rồi, trong quá trình phát triển, người Việt chú ý đến bốn chất liệu cơ bản, đó là đá, đồng, gỗ và đất. Đây là những chất liệu được coi như tự thân nó đã chứa sinh khí. Khi trở thành những vật thiêng như đồ thờ, tượng thờ - chẳng hạn, thì người xưa thường tin nó có ảnh hưởng tới cuộc sống tinh thần của các tín đồ. Một chất liệu đặc biệt để chế tác tượng là gỗ mít, vì người xưa đã coi thần linh là những bậc đại trí tuệ, có trí tuệ mới diệt trừ được sự ngu tối để tiến tới giải thoát, còn với chúng sinh thì có trí tuệ cũng sẽ diệt trừ được ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Cây mít còn có tên Phạn là Paramita (ba la mật đa) có nghĩa là "đáo bỉ ngạn" (đến bờ giác ngộ), mà muốn đến được bờ giác ngộ thì không còn con đường nào khác là phải có trí tuệ. Vì thế, tượng gỗ ở miền Bắc nước ta, chủ yếu được làm bằng gỗ mít. Bởi thần linh có trí tuệ mới giáo hóa được chúng sinh. Một chất liệu khác đó là tượng đất. Đất để làm tượng không đơn giản, người ta thường lấy đất sạch ở ven bờ nước của các con sông được coi là thiêng và đất mỗi đùn..., đất này được đem về hòa nước, vừa để lọc bỏ tạp chất, vừa để rửa những sự nhơ nhớp của cả vật chất và tinh thần, sau đó gạn nước phơi khô, đập thành bột rồi đem luyện với giấy bản, mặt của, có

khi cả mật, vôi và nhựa trám... để làm nguyên liệu tạo tượng.

Trước năm 1975, ở đất Bắc hầu như chưa có những tượng thờ được làm bằng đá ép công nghiệp hoặc thạch cao, bởi những vật liệu này không phải là tinh chất, không đạt được tinh linh thiêng và bước ra ngoài truyền thống.

Một tiên đề khác liên quan đến tượng cổ truyền là, sau khi hô thần nhập tượng, thì pho tượng đó không còn đơn giản chỉ là hình tượng với chất liệu đơn thuần nữa, mà đó là những con người "vũ trụ", là hình tượng của những vị thần cụ thể nào đấy hiện diện tại không gian của kiến trúc tín ngưỡng tương ứng. Tượng như con người, cũng nằm trong vòng sinh, trụ, dị, diệt. Vì thế, một khi tượng vì những lý do nào đó mà bị hư hỏng (lụt lội, cháy, mối mọt và nhiều lý do khác...), người ta thường làm những tượng mới và đưa những tượng bị hỏng hoàn thổ, có nghĩa là đem chôn ở một huyệt thiêng của di tích. Sở dĩ có hiện tượng này, vì họ không muốn râu ông nọ cắm cằm bà kia, vì người xưa không chấp nhận các bộ phận của pho tượng lại không cùng chung một niên đại tạo tác. Tuy nhiên, đó chỉ là nhận thức liên quan đến tín ngưỡng đơn thuần. Ngày nay, chúng ta đã tìm thấy ở các pho tượng ngoài giá trị như nêu trên, thì từng pho đã chứa đựng trong đó những giá trị lịch sử, xã hội của đương thời và nhất là ở mặt nghệ thuật vô giá của nó, đôi khi cho biết về cả phục trang, về nhiều nếp sống của tổ tiên mà người thời sau khó có thể nhận thức được một cách rõ ràng nếu chỉ theo lời truyền lại.

\* Cục Di sản văn hóa



Tượng chùa Ngô Sơn, Phúc Thọ, Hà Nội (trước và sau tu bổ) - Ảnh: Trần Lâm - Quốc Vụ

Với những yêu cầu đó, thì việc tu bổ, tôn tạo các công trình điêu khắc là một công tác khoa học, cần thiết, không chỉ liên quan đến tín ngưỡng. Trong việc tu bổ tượng, khó nhất là đối với các bức phù điêu, bởi phù điêu của người Việt mang đầy tính biểu tượng, đã được thao tác dưới những bàn tay điêu luyện, nếu không nắm vững ý nghĩa liên quan, kể cả tâm lý dân tộc thì chắc chắn sẽ tu bổ không đạt yêu cầu. Đối với các pho tượng thì dễ dàng hơn, tuy những nguyên tắc về tu bổ tượng cũng rất khắt khe. Một pho tượng chỉ còn đầu và một phần thân, không có nghĩa khi tu bổ là thiếu đầu bổ sung đấy, sẽ được coi như thành công. Thực ra, trước hết đòi hỏi phải nghiên cứu thật sâu về pho tượng này, đó là tượng nào? phải được xác định cho rõ. Chẳng hạn như tượng Phật thì phải xác định rõ tượng thuộc loại Tam thế, Di Đà hay Thích Ca..., tiếp theo phải xác định được tượng này đặt ở vị trí nào, gắn với chức năng nào. Nếu là tượng Tam thế, thì pho ở giữa chỉ ngồi theo lối kiết già, với tay kết ấn thiên định, nếu là tượng Thích Ca thì phải xác định đó là tượng Hoa Nghiêm (hay Thích

Ca tọa thiền...) mà Hoa Nghiêm cũng với nhiều cách kết ấn, một là Thiên Định, hai là cầm bông sen giơ lên, có khi lại kết ấn chuẩn đề, ấn xúc địa... đó là sự phức tạp thứ nhất.

Điều thứ hai là, phải quan tâm đến chất liệu để tìm được chất liệu tương ứng trong tu bổ.

Điều thứ ba là, phải chú ý đến hình thức của mẫu sơn. Nếu mẫu sơn đã bị bạc phai bởi thời gian thì sau khi tu bổ cũng phải được tạo mẫu bạc phai tương ứng. Đặc biệt là không nên sơn thép một cách bừa bãi, thiếu cơ sở thực tiễn. Đó là một hiện tượng phi khoa học, vì sẽ làm mất đi vẻ cổ kính với những giá trị đã ẩn sâu sau mẫu thời gian của tượng.

Một điều quan trọng hơn hết là, phải xác định cho được phong cách của tượng với niên đại càng gần với thời khởi dựng bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Bởi mỗi một thời có một phong cách riêng, màu sắc riêng. Điều này, đòi hỏi người tu bổ, hay ít nhất, phải thông qua các chuyên gia nghệ thuật truyền thống để tìm tới những tượng tương ứng, từ đó được coi như là những mẫu hình để soi rọi cho việc tu bổ này. Một kiến thức

cơ bản khác mà người tu bổ cần hết sức quan tâm là những tượng của các vị Phật và các vị Bồ Tát đã ở coi Niết bàn thì bao giờ mặt, mũi, chân, tay cũng được thiếp vàng ròng (mẫu tử kim), đó là mẫu giải thoát, những tượng còn lẫn lộn với cuộc đời để cứu độ chúng sinh thì thường có mặt hồng phấn, những tượng nào biểu hiện quyền uy một cách mạnh mẽ thì mặt đỏ đậm, như tượng Đức Ông, Hộ Pháp trũng ác...

Một đòi hỏi khác đối với những người tu bổ tượng là, phải biết phân tích về cơ thể con người, theo tâm lý của người Việt (trong thực tế tạo hình của từng thời kỳ) để tu bổ cho chính xác. Mặt khác, người tu bổ tượng cũng phải nắm được nguyên tắc tạc tượng với cách nối, ghép qua các thời kỳ khác nhau. Đương nhiên, trong cách nối ghép này, đặc biệt phải chú ý đến tâm lý tín ngưỡng của tộc người. Chẳng hạn như: ở người Việt do chưa có ý thức đẩy thần linh nên cao, thì các tay của tượng, như trong bộ Quan Âm Nam hải có niên đại từ thế kỷ XVIII về trước cũng chưa thấy gờ tay cao quá đỉnh mũ.

Suy cho cùng, đòi hỏi người tu bổ tượng phải có kiến thức tương đối sâu sắc về tạo hình truyền thống, đây là việc làm gắn với trí tuệ và gắn với tâm linh, do đó, không thể lấy kinh nghiệm của một người thợ thủ công mà có thể giải quyết được vấn đề.

Ngoài ra, trước khi tu bổ, bảo quản tượng, cũng cần biết vài nét cơ bản về sự phát triển của tượng nhân dạng Việt trong quá khứ. Từ thời Bắc thuộc trở về trước, hầu như chúng ta khó tìm được dấu tích về tượng của tổ tiên nói chung. Chỉ từ thời Lý, những tượng thờ mới để lại chút ít dấu tích mà không đầy đủ. Về tượng Phật, một pho đầy đủ nhất có thể làm mẫu chuẩn để nhìn nhận về tượng Phật của thời kỳ này, đó là pho tượng Phật của chùa Chương Sơn (Ngô Xá, Ý Yên, Nam Định). Pho tượng Phật ở chùa Phật Tích (Bắc Ninh), ngày nay tưởng như còn khá nguyên vẹn, song, bằng vào sự tìm hiểu tỷ mỉ, có nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ truyền ngỡ rằng, đầu tượng được tạc lại vào khoảng thế kỷ XVII hoặc đầu thế kỷ XVIII rồi gắn vào. Cũng nhà nghiên cứu này còn đặt vấn đề qua sự phát hiện của cá nhân về các pho tượng Phật thời Lý, như ở chùa Huỳnh

Cung (Thanh Trì, Hà Nội), chùa Một Mái (chùa Hoàng Kim, Hoàng Xá, Quốc Oai, Hà Nội) và gần đây ông cũng ngỡ vực có hai tượng Phật thời Lý được làm cốt cho tượng của Hai Bà Trưng ở đền Đồng Nhân (Hai Bà Trưng, Hà Nội)...

Ngoài ra, chúng ta có thể còn gặp các tượng Kinnaras (Khẩn la la), vũ nữ thiên thần (Apsaras), rồi các phù điêu Kim cương canh của tháp và cả các nhạc sỹ thiên thần (Gandhavas)...

Ở thời Trần và thời Lê sơ hầu như chưa tìm được một pho tượng Phật giáo nào, dù cho có nhiều người vì tình cảm mà xếp tượng Trần Nhân Tông bằng đá ở Yên Tử vào thời Trần, nhưng đứng về mặt tiêu chí nghệ thuật thì một số nhà nghiên cứu mỹ thuật truyền thống cho rằng, pho tượng này gắn gũi với phong cách thời Mạc hơn, nhất là ở hình tượng hổ phù và một vài hoa văn khác trên bề tượng... Rồi, có lẽ cũng bằng cảm xúc mà một số người đã xếp tượng Quan Âm tọa sơn ở chùa Cung Kiệm (Bắc Giang) vào thời Lê Sơ (lấy niên đại theo nhang án đá, không cùng khối với tượng tại chùa). Bằng vào sự đối sánh nghệ thuật, mặt nào chúng ta thấy pho tượng này gắn gũi với phong cách ở cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII.

May mắn là chúng ta còn tìm được hình tượng về con người chủ yếu là ở lăng mộ, với chất liệu bằng đá (Yên Sinh, Đông Triều thuộc thời Trần và Lam Kinh của thời Lê sơ). Kể từ thời Mạc, với sự mở cửa biên giới phía Bắc, đồng thời ít nhiều có sự thay đổi về nhận thức đối với Phật giáo và nghệ thuật dân dã phần nào chiếm thế thượng phong nên tượng ở thời này có số lượng và loại hình đã nhiều hơn. Trong khoảng niên đại này, chúng ta đã gặp bộ tượng Tam thế, rồi tượng Thích Ca tọa thiền, nhiều tượng Quan Âm Nam hải, thoáng gặp tượng Thích Ca sơ sinh và cả tượng Ngọc Hoàng và tượng hậu chùa gắn với tầng lớp trên (tượng Mạc Đăng Dung, Mạc Thị Ngọc Toàn, các bậc vương hoặc tượng người công đức...). Về tượng Di Đà tam tôn, thực chất phải đến đầu thế kỷ XVII mới tìm được loại tượng này (chùa Thầy, Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội), rồi tượng Hoa Nghiêm tam thánh cũng phải tới giữa thế kỷ XVII mới như thấy xuất hiện (chùa Bút Tháp, Thuận Thành, Bắc Ninh, nay chỉ còn tượng

Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền).

Những tượng Di Lạc, dù cho đã được nhắc tới trong “tứ đại khí”, thì thực tế trên Phật điện mới chỉ như manh nha vào cuối thế kỷ XVII và phổ biến hơn ở thế kỷ XVIII trở về sau. Có thể nói rằng, những tượng nào xuất hiện ở thời gian trước coi như cũng tồn tại ở thời gian sau, chẳng hạn như tượng Quan Âm tọa sơn, chưa rõ vì lý do gì mà trong tạo hình chỉ thấy sang tận thế kỷ XVII mới gặp được (dù cho trong sử sách đã nhắc tới mối quan hệ giữa Quan Âm với chùa Một Cột ở dưới thời Lý). Nhìn chung, ngay tới thế kỷ thứ XVIII, thì tượng tổ truyền đấng, tượng Kim Cương dạng Hộ Pháp “bệ vệ, trừ phú” về cơ thể, rồi tượng Thập Điện Diêm vương, bộ ba Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu... mới dè dặt xuất hiện, như những thử nghiệm, được coi là tiền đề cho sự phổ biến vào các thời sau.

Chúng tôi muốn điếm qua về thực tế từ kết quả khảo sát trong nhiều năm để khi tiếp cận với việc tu bổ các tượng loại này sẽ ít nhiều giúp chúng ta đặt tượng trong không gian nghệ thuật tương ứng, để đưa đến kết quả là, tác phẩm sau khi tu bổ, ít có tình trạng “thô thiển” bởi độ chênh phong cách trên cùng một pho tượng.

Một điều đáng quan tâm nữa là, với việc tu bổ tượng còn phải chú ý đến nguyên tắc tạo tượng của cha ông. Ngoài những cuốn sách liên quan chỉ dẫn về kích thước trong sự đối sánh các phần của cơ thể, thì một điều không được tổng kết lại ở trong sách vở buộc người tu bổ tượng cũng cần phải nắm vững, đặc biệt với những phượng gỗ. Cụ thể như, với những pho tượng cổ của Tây Nguyên được làm trên một thân gỗ thì thường được vượt dài theo chiều cao, chân tay thu lại ép sát mình... Hiện tượng này đôi khi cũng ảnh hưởng tới cách tạo tượng của người Việt. Song, xu hướng “hiện thực hóa” để gắn gũi với đời thường là điều tất yếu, vì thế mà, cốt của một pho tượng thường được lắp ghép bởi nhiều khối

gỗ khác nhau (đương nhiên phải cùng một chất liệu). Lấy pho tượng Ngọc Hoàng ở chùa Ngo (Ngô Sơn tự, Phúc Thọ, Hà Nội) làm ví dụ. Đây là pho tượng có thể ngồi, khá lớn, cao gần 1,5m, được làm bằng bốn khối gỗ khác nhau, khối chính gồm đầu, phần giữa của thân chạy dọc theo chiều đứng. Khối thứ hai là phần ộp tay và sườn ở bên trái, khối thứ ba tương ứng ở bên phải, khối thứ tư là đuôi và phần chân khoanh nhô ra phía trước. Các phần này được liên kết với nhau bởi các mộng én, có sơn then bổ sung cho sự liên kết. Người quản lý theo dõi việc tu bổ tượng hoặc với tượng mới cần phải được kiểm tra phần mộc của tượng một cách cẩn thận trước khi cho sơn thếp, bởi hiện nay, với sự tiêu cực của nền kinh tế thị trường, nhiều người làm tượng để bán là chính, nên nhiều chỗ khiếm khuyết họ đã đắp bằng chất liệu khác, đôi khi dùng đất sét, sau đó phủ sơn che đi. Tất nhiên, hiện tượng như kể trên nếu có trong tu bổ sẽ làm cho tượng nhanh bị hỏng và không đúng với nguyên tắc khoa học của công tác này.

Một khó khăn rất lớn đối với người tu bổ tượng là yếu về nhận thức giá trị tâm linh của tượng, như không nắm được các ấn quyết của các tượng khác nhau dẫn đến làm sai lạc đi (ví như tượng Quan Âm cứu độ thường kết ấn cam lồ đỡ lọ nước thiêng thì được những người thợ cho cong các ngón tay để giữ lấy cái lọ và như thế mọi sự thiêng liêng phần nào bị giải thể, đồng thời khó có thể gọi là tượng Quan Âm).

Một điều khác cũng cần phải được quan tâm là cách thể hiện bàn tay của tượng. Thợ ngày nay không mấy người thể hiện được những bàn tay trau chuốt như xưa, đặc biệt là những bàn tay kết ấn phức tạp (như ấn chuẩn đề). Họ không hiểu ý nghĩa của ấn nên đôi khi tạc không chuẩn xác, dù cho có mẫu. Điều đó bắt buộc người làm tu bổ tượng cần phải quan tâm kỹ càng hơn.

N.T - Q.N

### Nguyễn Thúc - Quốc Nhiệm: Some Thoughts on the Restoration of Ancient Statues

From the research outcome on the restoration of ancient statues, the author shows that, this process requires restoration workers some knowledge on materials, making methods, colors, and especially knowledge on historical styles, meanings through names, and relevant cultural and historical contexts.